

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 4/2024 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các quy định của Tập đoàn đã ban hành trong tháng 3.
- **Phần 2:** Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ đang lấy ý kiến góp ý; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét góp ý khi các Bộ tổ chức lấy ý kiến của doanh nghiệp.
- **Phần 3:** Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
 - a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.*
 - b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật.*

Ban Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

Lưu ý: Bản tin chỉ trích dẫn một số nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, đề nghị các đơn vị, cá nhân tìm đọc chi tiết toàn văn văn bản.

(Mọi ý kiến, thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Ban Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn, Bùi Quỳnh Hoa, Tel: 0945.123.690, Email: hoabq@vnpt.vn)

Phần 1: Các quy định của Tập đoàn đã ban hành trong tháng 3

Quy chế thử nghiệm công nghệ, giải pháp mới của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 15/QĐ-VNPT-HĐTV-CN ngày 26/3/2024 (số eOffice: 777889)

Phần 2: Các dự thảo VBQPPL của các Bộ đang lấy ý kiến góp ý

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Đơn vị chủ trì nghiên cứu, xem xét, có ý kiến
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Dự thảo Thông tư quy định chi tiết hoạt động bán buôn trong viễn thông	Ngày bắt đầu 29/02/2024 Ngày hết hạn 29/4/2024	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
2	Dự thảo Thông tư quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông	Ngày bắt đầu 29/02/2024 Ngày hết hạn 29/04/2024	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
3	Dự thảo Thông tư quy định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Ngày bắt đầu 22/02/2024 Ngày hết hạn 22/04/2024	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
4	Dự thảo Thông tư Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc hỗ trợ đồng thời mạng thông tin di động NR và E-UTRA -	Ngày bắt đầu 28/03/2024 Ngày hết hạn 28/05/2024	Ban Công nghệ (Tập đoàn)

	Phản truy nhập vô tuyến”		
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công	Ngày bắt đầu 17/02/2024 Ngày hết hạn 17/4/2024	Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn)
2	Dự thảo Nghị định quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	Ngày bắt đầu 16/02/2024 Ngày hết hạn 16/4/2024	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật Đất đai	Ngày bắt đầu 10/02/2024 Ngày hết hạn 10/4/2024	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)

Nếu đơn vị/cá nhân có ý kiến góp ý cho các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin truy cập gửi ý kiến về Ban Pháp chế - Thanh tra - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

1. Thông tư số 01/2024/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/3/2024

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
2. Thông tư này áp dụng đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và trách nhiệm trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Các loại báo cáo (Điều 3)

1. Báo cáo định kỳ là báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm.
2. Báo cáo chuyên đề là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề thuộc lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định.
3. Báo cáo đột xuất là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường trong các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc của Thanh tra Chính phủ.

Báo cáo định kỳ (Điều 4)

1. Báo cáo Quý I, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm:

a) Về công tác thanh tra: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác thanh tra trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác thanh tra được thực hiện theo Mẫu số 01 và các biểu số liệu 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/QLNN, 02/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo Mẫu số 02 và các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo Quý II, Quý III và Quý IV chỉ thực hiện báo cáo theo các biểu số liệu sau:

a) Về công tác thanh tra: các biểu số liệu 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/QLNN, 02/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngoài những nội dung được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo bổ sung nội dung tổng hợp chuyên sâu về kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình gửi Thanh tra Chính phủ.

Báo cáo chuyên đề (Điều 5)

1. Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hằng năm: Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hằng năm: tình hình, kết quả, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo, dự báo tình hình và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo được thực hiện theo Mẫu số 02 và các biểu số liệu 01/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 03/QLNN ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết phải bổ sung nội dung, Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

2. Báo cáo chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hằng năm: Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo được thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu số liệu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết phải bổ sung nội dung, Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

3. Báo cáo chuyên đề khác: Thanh tra Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đề cương, biểu số liệu báo cáo.

V.V

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL

Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn), VNPT-Vinaphone, VNPT-Media xem để biết, thực hiện.

2. Nghị định số 21/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2024. Các chế độ về quỹ tiền lương, trả lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại khoản 2 Điều 1, các khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 10 Điều 2 được thực hiện từ ngày 01/01/2024.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

STT	Nghị định 51/2016	Nghị định 52/2016	Nghị định 21/2024
1	Điều 4. Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương Công ty xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương làm căn cứ để xếp lương, trả lương		Sửa đổi Điều 4 Nghị định 51/2016 như sau: “Điều 4. Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương 1. Căn cứ vào tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, công ty xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm cơ sở để xếp lương, trả lương và thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. 2. Các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp

	và thực hiện chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.		lương do công ty quyết định, nhưng phải bảo đảm quỹ tiền lương tính theo các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động theo quy định tại Nghị định này. 3. Khi xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến và công khai tại công ty trước khi thực hiện.”
		Điều 3. Xếp lương đối với người quản lý công ty chuyên trách Người quản lý công ty chuyên trách tiếp tục xếp lương theo hạng công ty quy định tại Phụ lục I ban hành	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP như sau: Cụm từ “<i>người quản lý</i>” tại tên gọi và các cụm từ “<i>người quản lý</i>” hoặc “<i>người quản lý công ty</i>” trong các điều, khoản, Phụ lục của Nghị định được thay thế bằng cụm từ “<i>người quản lý, Kiểm soát viên</i>”. Sửa đổi Điều 3 như sau: “Điều 3. Xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách 1. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức quản lý, Hội đồng thành viên

		kèm theo Nghị định này làm căn cứ để thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật cho đến khi Chính phủ có quy định mới.	hoặc Chủ tịch công ty xây dựng, ban hành bảng lương và xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. 2. Các mức lương trong bảng lương do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định, nhưng phải bảo đảm quỹ tiền lương tính theo các mức lương trong bảng lương không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Nghị định này. 3. Khi xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và công khai tại công ty trước khi thực hiện”.
		Không có quy định	Bổ sung khoản 8 vào Điều 4 như sau: <i>“8. Đối với trường hợp Ban kiểm soát của công ty chỉ có 01 Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103 Luật</i>

		Khoản 7, Điều 4 – Nguyên tắc xác định, trả tiền lương, thù lao tiền thưởng “Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên xác định theo quy định tại Nghị định này...Đối với Kiểm soát viên tài chính tại tập đoàn kinh tế nhà nước thì nộp cho Bộ Tài chính để đánh giá, chi trả.” Khoản 6, Điều 5 – Xác định Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch 6. Khi xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, công ty loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề, bao gồm: a) Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá), ưu đãi thuế thu nhập doanh	<i>Doanh nghiệp thì Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng của chức danh Trưởng Ban kiểm soát”.</i> Sửa đổi khoản 7, Điều 4 như sau: “Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên xác định theo quy định tại Nghị định này...Đối với Kiểm soát viên tài chính tại tập đoàn kinh tế nhà nước thì nộp cho Bộ Tài chính để đánh giá, chi trả.” Sửa đổi khoản 6 Điều 5 như sau: “6. Khi xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên, công ty loại trừ các yếu tố khách quan (nếu có) ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề. Các yếu tố khách quan được quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền
--	--	---	---

		nghiệp, tăng hoặc giảm vốn nhà nước, điều chỉnh cơ chế chính sách hoặc yêu cầu công ty di dời, thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận của công ty. b) Công ty tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, cân đối cung cầu cho nền kinh tế theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện việc tiếp nhận hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với doanh nghiệp tái cơ cấu, xử lý và tái cơ cấu nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đầu tư mới, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chênh lệch trả thưởng so với thực hiện năm trước đối với công ty kinh doanh xổ số. c) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả	thường đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.
--	--	---	---

		kháng khác.	
		V.V	

V.V

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn nghiên cứu để biết, thực hiện.

3. Thông tư số 14/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2024

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL

Văn phòng Tập đoàn, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media xem để biết.

4. Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ ngày 24/02/2024 quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2024.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Quy định chung về thi đua, khen thưởng (Điều 1)

1. Đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc đột xuất thì người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc lĩnh vực thuộc

Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc phạm vi toàn quốc thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo tiêu chuẩn quy định.

2. Đối với tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể khi đề nghị khen thưởng trong Báo cáo thành tích phải thể hiện là tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể.

3. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi Bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Bộ, ban, ngành không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho đối tượng không do Bộ, ban, ngành quản lý chuyên môn theo ngành dọc.

Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, ngoài việc khen thưởng theo thẩm quyền, Bộ, ban, ngành, tỉnh lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên); lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên).

4. Khi Bộ, ban, ngành, tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực... thì thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, trừ thành tích phục vụ hội nghị, diễn đàn quốc tế, khu vực phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

5. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt quy

định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...);

c) Đối với cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ;

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

Hình thức tổ chức thi đua (Điều 2)

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau được chia theo khối thi đua, cụm thi đua.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm thi đua, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm thi đua, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề trong phạm vi Bộ, ban, ngành, tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên, cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ, ban, ngành, tỉnh gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) để theo dõi, tổng hợp, đối chiếu khi thẩm định hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước.

V.V

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL

Ban Chất lượng (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu để biết, thực hiện.

5. Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2024 và thay thế Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông và Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực thi hành

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý**Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

1. Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2); nguyên tắc quản lý sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; quy định một số trường hợp sản phẩm, hàng hóa được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; quy định một số trường hợp ngưng hiệu lực, chưa bắt buộc áp dụng một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật.

2. Thông tư này chỉ áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có mã số HS và mô tả sản phẩm, hàng hóa quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.
2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.

Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 (Điều 3)

Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và biện pháp quản lý được quy định như sau:

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Nguyên tắc quản lý sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 (Điều 4)

1. Việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông và các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
2. Sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có tích hợp sản phẩm, hàng hóa khác thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa đó và sản phẩm, hàng hóa được tích hợp.
3. Sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc đối tượng áp dụng của hai hay nhiều quy chuẩn kỹ thuật thì phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật đó.
4. Trong trường hợp quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà có quy định khác Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
5. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nếu có quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành thay thế quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; hoặc có quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành áp dụng bổ sung cho sản phẩm, hàng hóa quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thì áp dụng quy định tại Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật mới.

v.v

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net thực hiện.